

Bản án số: 04/2020/HSST

Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Giàng A Chu**.

2. Ông **Lường Văn Vui**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS, ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS, ngày 05/02/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1991, nơi sinh huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản KH, xã MT, huyện T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 05/12; Con ông: Lò Văn H, sinh năm 1962 và con bà Lò Thị N (đã chết); bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1989 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lò Thị KH – Trợ giúp viên pháp lý; Nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

* **Bị hại:** Họ và tên: Lường Văn P, sinh năm 1984

Cư trú tại: Bản ND, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Họ và tên: Lò Văn T, sinh năm 1963.

Cư trú tại: Bản C, xã MT, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

2. Họ và tên: Lò Thị X, sinh năm 1965.

Cư trú tại: Bản C, xã MT, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

3. Họ và tên: Ngô Thị V, sinh năm 1972

Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

4. Họ và tên: Lường Văn A, sinh năm 1999

Cư trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được Lường Văn A ủy quyền: Ông Lường Văn O

Cư trú tại: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

*** Người làm chứng:**

1. Họ và tên: Bạc Cầm D, sinh năm 1988

Cư trú tại: Bản T, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

2. Họ và tên: Quàng Thị X, sinh năm 1960

Cư trú tại: Bản T, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

3. Họ và tên: Bạc Cầm C, sinh năm 1981

Cư trú tại: Bản T, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 11/11/2019 trên đường đi viếng đám ma tại bản CN, xã B, huyện M về đến đoạn đường bê tông liên bản thuộc bản CN, xã B, Lò Văn T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu sơn xanh đen, BKS 27Y1-056.32 chìa khóa đang cắm ở cốp xe (*xe của anh Lường Văn P, sinh năm 1984, trú tại bản Nà Dên, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên*). T đã nảy sinh ý định trộm cắp xe máy mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa điện nổ máy chạy xe xuống khu vực bản C, xã B đến nhà Lường Văn A, sinh năm 1999 là anh em họ hàng với T mượn được một chiếc mỏ lết dài 30cm, trên cán có dòng chữ “FORGED STEEL” để tháo biển số xe, nhưng không tháo được. T đã mở cốp xe lấy 01 chiếc kim cán bọc nhựa màu đỏ ra tiếp tục tháo biển số xe, sau khi tháo được biển số xe T điều khiển xe theo hướng huyện T, khi đến cầu bản B, xã CD, T vứt biển số xe xuống suối cạnh đường rồi tiếp tục điều khiển xe xuống nhà Bạc Cầm D sinh năm 1988, trú tại bản T, xã C, huyện T gửi xe. Sau khi gửi được xe T bắt xe về bản CN, xã B lấy xe máy của mình đi về. Đến khoảng 10 giờ ngày 13/11/2019 T đi đến nhà Bạc Cầm D lấy xe máy đã trộm cắp được đi lên nhà Lò Văn T sinh năm 1963, trú tại bản C, xã MT, huyện T hỏi bán xe máy với giá 4.000.000đ, do xe không có giấy tờ nên Tương chỉ nhận cầm 300.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐDGTS ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã kết luận: Một xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh đen, không có biển số, không có gương chiếu hậu, số khung C6HOEY048189, số máy 5C6H048204, mua và sử dụng từ ngày 24/7/2014, tại thời điểm định giá tháng 11/2019 là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Ngày 15/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại cáo trạng số: 06/CT-VKS-MA ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lò Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*** Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Lường Văn P, sinh năm 1984, cư trú tại bản Nà Dên, xã B, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh đen, không có biển số, không có gương chiếu hậu, số khung C6HOEY048189, số máy 5C6H048204, xe cũ đã qua sử dụng (Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ, ngày 07/01/2020).

- Đối với chiếc mô tô bị cáo mượn của anh Lường Văn A, theo ý kiến của người được ủy quyền của anh Lường Văn A là ông Lường Văn O: Chiếc mô tô đã cũ, gia đình không sử dụng nữa, không đề nghị trả lại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử thu hồi chiếc mô tô do bị cáo mượn của anh Lường Văn A.

- Truy thu của bị cáo số tiền 300.000đ (*đây là số tiền bị cáo cầm xe cho anh Lò Văn T*) thu lợi bất chính sung vào ngân sách Nhà nước.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại là anh Lường Văn P đã nhận lại tài sản bị mất, anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lò Văn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000đ đã đưa cho bị cáo khi bị cáo đến cầm xe mô tô và không có yêu cầu gì khác.

*** Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn

xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T đã khai và công nhận: Hồi 04 giờ 00 phút ngày 11/11/2019 tại khu vực bản CN, xã B, huyện Mường Ảng bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu sơn xanh đen, BKS 27Y1-05632, số khung C6HOEY048189, số máy 5C6H048204, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) của anh Lường Văn P đem đi tiêu thụ.

Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 06/CT-VKS-MA ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô có giá trị là 10.000.000đ của anh Lường Văn P, mục đích lấy trộm để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Tại Điều 173 của BLHS quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Văn T về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Hành vi phạm tội bị cáo gây ra đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm cho bà con nhân dân trong vùng không yên tâm làm ăn, sinh sống, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết,

để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

Vì các lẽ trên nên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T từ nhỏ sống cùng với gia đình, học hết lớp 5/12 thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo là người chồng, người cha và có nhận thức pháp luật nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội trộm cắp tài sản, hơn nữa bị cáo là người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy, do vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lò Văn T với nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với Lò Văn T, Lò Thị X đều trú tại bản C, xã MT, huyện T, tỉnh Điện Biên đã nhận cấm xe máy của Lò Văn T nhưng không biết xe do T trộm cắp mà có. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

*** Vật chứng của vụ án:** Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Lường Văn P, sinh năm 1984, cư trú tại bản Nà Dên, xã B, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh đen, không có biển số, không có gương chiếu hậu, số khung C6HOEY048189, số máy 5C6H048204, xe cũ đã qua sử dụng (Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ, ngày 07/01/2020).

- Đối với chiếc mô lét bị cáo mượn của anh Lường Văn A, theo ý kiến của người được ủy quyền của anh Lường Văn A là ông Lường Văn O: Chiếc mô lét đã cũ, gia đình không sử dụng nữa, không đề nghị trả lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử thu tiêu hủy chiếc mô lét do bị cáo mượn của anh Lường Văn A.

- Truy thu của bị cáo số tiền 300.000đ (*đây là số tiền bị cáo cấm xe cho anh Lò Văn T*) sung vào ngân sách Nhà nước.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Bị hại là anh Lường Văn P đã nhận lại tài sản bị mất, anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lò Văn T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000đ đã đưa cho bị cáo khi bị cáo đến cấm xe mô tô và không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, không đề cập vấn đề xử lý.

*** Ân phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

[2] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo và của người bào chữa cho bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 15/11/2019).

2. Trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lường Văn P đã nhận lại tài sản bị mất, anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lò Văn T không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc trao trả tài sản của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng cho anh Lường Văn P, sinh năm 1984, cư trú tại bản Nà Dên, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh đen, không có biển số, không có gương chiếu hậu, số khung C6HOEY048189, số máy 5C6H048204, xe cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy chiếc mũ lết do bị cáo mượn của anh Lường Văn A.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2020 của cơ quan Công an huyện Mường Ảng và cơ quan Thi hành án huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên).

- Truy thu của bị cáo số tiền 300.000đ (đây là số tiền bị cáo cấm xe cho anh Lò Văn T) sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Ân phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/02/2020).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- CQĐT Công an h.Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự; Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương